TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 28/7/2026.
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi dưỡng con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Phú Đạt.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Chinh.**

Ông **Ngô Văn Khanh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Thị Thanh Dung** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Bin -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 216/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1061/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông , sinh năm 1966, CCCD số: 048066004847; Địa chỉ: ; địa chỉ liên hệ: ; (SĐT: 0905225332). Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà – Luật sư của ; địa chỉ: .

- Bị đơn: Bà , sinh năm: 1973, CCCD số: 040173027794; Địa chỉ: .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông xây dựng gia đình vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại , , hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại một thời gian. Đến năm 2008 chúng tôi chuyển về sống tại từ đó đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình. Nay tình cảm của vợ chồng tôi không còn, kéo dài cũng không có hạnh phúc, hôn nhân không đạt được mục đích nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông .

- Về con chung: Tôi và ông có 03 người con chung là , sinh ngày 12/11/2015; , sinh ngày 06/4/2012 và , sinh năm 2003. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi 02

con chung và và yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Đối với con đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định không có.

**** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất như lời trình bày của bà về thời gian, điều kiện kết hôn. Hôn nhân giữa tôi và bà là hoàn toàn tự nguyện. Tôi là cán bộ công nhân quốc phòng, cụm kho CK54 đóng quân tại . Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại một thời gian. Đến năm 2008, tôi được chuyển về đơn vị xưởng 38 đóng ở , vợ chồng chúng tôi bán hết tài sản và chuyển về sống tại từ đó đến nay. Ngày 01/01/2026 tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và nghỉ hưu tại địa phương. Từ khi cưới nhau đến nay, toàn bộ tiền lương, phụ cấp và các khoản thưởng tôi đều đưa hết cho vợ để quản lý lo các con, làm ăn bôn bán. Mặc dù thời gian sống xa nhà là chủ yếu nhưng vào ngày nghỉ, bản thân tôi luôn làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha. Tôi không rõ lý do gì vợ tôi nộp đơn ly hôn. Còn bản thân tôi vẫn luôn yêu thương vợ, con, nên tôi không đồng ý ly hôn với bà .

- Về con chung: Tôi và bà có 03 người con chung là , sinh ngày 12/11/2015; , sinh ngày 06/4/2012 và , sinh năm 2003. Nếu phải ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và . Đối với con đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác định không có.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng những quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà . Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử: Cho bà được ly hôn ông . Giao con chung là và cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng/con cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Về án phí HNGĐST: Bà phải chịu theo quy định của pháp luật, ông phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà khởi kiện ông về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi dưỡng con chung*", bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại . Vì vậy, tranh chấp về hôn nhân gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông kết hôn vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại , , hôn nhân trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Bà xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông nên đề nghị Tòa án cho ly hôn. Ông xác định bản thân vẫn luôn yêu thương vợ con nên đề nghị HĐXX cho đoàn tụ để tạo điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung. HĐXX xét thấy: Tại phiên tòa, ông thừa nhận đã áp dụng nhiều biện pháp để hòa giải đoàn tụ nhưng bà vẫn cương quyết ly hôn. Tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại địa phương kết quả thể hiện: "*Vợ chồng ông , bà thường xuyên cãi nhau nhưng địa phương chưa can thiệp được*". Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định mẫu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà đối với ông .

[2.2] Về con chung: Tại phiên tòa, bà và ông thống nhất thỏa thuân: Giao con chung là và cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng/con cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận về quan hệ con chung giữa ông và bà .

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà phải chịu theo quy định của pháp luật. Ông phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147, 227, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà đối với ông về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi dưỡng con chung"*.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông .

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là , sinh ngày 12/11/2015 và , sinh ngày 06/4/2012 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng/con cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST là: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004974 ngày 13/5/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Buộc ông phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- UBND xã Bà Nà;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phú Đạt

TAND KHU VỰC 4
YWQ280726.TL.QDBA
2001

Nơi nhận:
-
-
-

THẨM PHÁN

TAND KHU VỰC 4



YWQ280726.TL.QDBA
2001

Phạm Phú Đạt